

Bản án số: 07/2023/KDTM-PT
Ngày: 13-10-2023
V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Bà Lê Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**
Bà Đinh Thị Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03A/2023/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 08/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐ-PT ngày 27/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là: Bank); địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, TP Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thị H - Chức vụ: Phó Giám đốc Khối xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 68/2022/UQ-Bank ngày 14/01/2022).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1990 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ địa bàn miền Trung; địa chỉ: Số 19 P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy ủy quyền số 14576/2022/UQ-Bank ngày 06/9/2022).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: Khu 5 (khu 8 cũ), thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nhà ông Nguyễn Trí T1);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí T1, sinh năm 1971; nơi ĐKKHKT: Xóm 3, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trí B, sinh năm 1964; địa chỉ: Đ (khu 9 cũ), thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969; địa chỉ: Đ (khu 9 cũ), thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Ông Lê Ngọc B1, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu 5 (khu 8 cũ), thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 5 (khu 8 cũ), thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà H1, ông B1, bà T2:

- Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979; địa chỉ: khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Trần Tuấn L2, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu 2, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2001; địa chỉ: khu phố T, phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Tại phiên tòa, có mặt ông L, ông X, vắng mặt đại diện bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trí B và ông Lê Ngọc B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn L trình bày:

Công ty TNHH T đã ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là Bank) - Chi nhánh Thanh Hóa, bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2021700xxx/HDTDTM-BL ngày 08/9/2020 và các Phụ lục cùng các giấy nhận nợ kèm theo: Tổng số tiền Bank đã giải ngân cho Công ty THN là 4.182.500.000 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700xxx/HĐHMTTC ngày 08/9/2020 và các phụ lục kèm theo: Tổng số tiền Bank đã giải ngân cho Công ty THN là 500.000.000 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thẻ số HĐHMTD-THE ngày 22/5/2020: Số tiền Công ty THN đã sử dụng và chi tiêu theo hợp đồng là 299.921.897 đồng.

Công ty TNHH T đã thế chấp 04 thửa đất cho Bank để làm tài sản thế chấp. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật, bao gồm:

- Tài sản 01: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 500, tờ bản đồ số 45, địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 110,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 489xxx, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận (GCN): CH 001xx do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp ngày 13/12/2019 mang tên ông Lê Ngọc B1.

- Tài sản 02: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 72m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 082xxx, sổ vào sổ cấp GCN: CH 041xx do UBND huyện T cấp ngày 03/5/2018 mang tên ông Nguyễn Trí B và bà Nguyễn Thị H1.

- Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 72m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 082xxx, sổ vào sổ cấp GCN: CH 041xx do UBND huyện T cấp ngày 03/5/2018 mang tên ông Nguyễn Trí B và bà Nguyễn Thị H1.

- Tài sản 04: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 72m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 082xxx, sổ vào sổ cấp GCN: CH 041xx do UBND huyện T cấp ngày 03/5/2018 mang tên ông Nguyễn Trí B và bà Nguyễn Thị H1.

Tính đến ngày 01/6/2023, Công ty TNHH T đã trả cho Bank 344.210.750 đồng. Số tiền còn nợ là 5.694.589.079 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 20211700xxx/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020: Nợ gốc 4.171.182.132 đồng, lãi trong hạn 181.129.995 đồng, lãi quá hạn 385.601.232 đồng, phạt lãi chậm trả: 13.324.749 đồng. Tổng 4.751.238.108 đồng;

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700xxx/HĐHMTTC ngày 08/9/2020: Nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn 73.873.968 đồng, phạt lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng 573.873.968 đồng;

- Hợp đồng hạn mức thẻ số HĐHMTD-THE ngày 22/5/2020: Nợ gốc 300.000.000 đồng, lãi trong hạn 20.643.472 đồng, lãi quá hạn 48.833.531 đồng, phạt lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng 369.477.003 đồng;

Nay Ngân Hàng TMCP Đ, chi nhánh Thanh Hóa yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH T mà đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trí T1 trả nợ gồm: Gốc là: 4.971.182.132 đồng; lãi tạm tính đến ngày 02/6/2023 là: 723.406.947 đồng. Tổng gốc và lãi là : 5.694.589.079 đồng.

- Buộc Công ty TNHH T mà đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trí T1 phải tiếp tục trả lãi tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2021700xxx/HDTDTHM-BL ngày 08/9/2020 và lãi phát sinh đến ngày thanh toán hết nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH T mà đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trí T1 không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại để xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp khác của ông T1 để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ.

2. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Trí T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã niêm yết tại gia đình ông T1, bà T2 và tại trụ sở UBND xã X, UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; đăng thông báo nhắc tin trên Báo nhân dân các ngày 17, 18, 19 tháng 02 năm 2023; trên Đài Tiếng nói Việt Nam vào 17h30 các ngày 20, 21, 22 tháng 02 năm 2023 các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông Nguyễn Trí T1, bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Ngọc B1 trình bày:

Trong khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2020, ông Nguyễn Trí T1 - Giám đốc Công ty TNHH T có cần tiền để làm công trình xây dựng, nên dựa vào sự tín nhiệm của ông để nhờ giấy cấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thế chấp vay ngân hàng TMCP Đ vào ngày 08/9/2020. Đến nay Công ty TNHH T đã không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Ông T1 đi đâu, làm gì ông không được biết và cũng không liên lạc được với ông T1. Nguyên vọng của ông là mong muốn ông T1 về để giải quyết công nợ với ngân hàng, nếu ông T1 không giải quyết công nợ với ngân hàng ông sẽ kiện ông Nguyễn Trí T1 - Giám đốc Công ty TNHH T tội lợi dụng sự tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của ông.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Trí B trình bày:

Trong khoảng cuối năm 2019, Công ty TNHH T có cần tiền làm xây dựng, nên dựa vào sự tín nhiệm của gia đình ông để nhờ 03 giấy cấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền trên đất thế chấp vay ngân hàng TMCP Đ. Đến nay các công trình đã hoàn thành, tiền đã thanh toán nhưng ngân hàng vẫn không thu tiền để trả lại tài sản cho gia đình ông. Ông đề nghị ngân hàng TMCP Đ giúp gia đình ông thanh toán và thu lại số tiền các công trình còn lại chưa quyết toán để trả nợ cho ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 92; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 303, Điều 351, Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với yêu cầu Công ty TNHH T trả nợ tiền gốc và lãi:

- Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc: 4.971.182.132 đồng; nợ lãi: 723.406.947 đồng; tổng cộng là: 5.694.589.079đ (*Năm tỷ, sáu trăm chín mươi tư triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng*) và lãi phát sinh đến thời điểm trả hết nợ.

- Công ty TNHH T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

2. Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được nợ thì tài sản thế chấp là:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021700xxx/HĐTC/01. Số công chứng 61xx, Quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 tại Văn phòng công chứng T được ký kết giữa Bank - Chi nhánh Thanh Hóa và ông bà Lê Ngọc B1, Nguyễn Thị T2.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 65xx, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng T được ký kết giữa Bank - Chi nhánh Thanh Hóa và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H1.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 65xx, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng T được ký kết giữa Bank - Chi nhánh Thanh Hóa và ông bà Nguyễn Trí B, Nguyễn Thị H1.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Số công chứng 65xx, Quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2019 tại Văn phòng công chứng T được ký kết giữa Bank - Chi nhánh Thanh Hóa và ông bà Nguyễn

Trí B, Nguyễn Thị H1, được xử lý theo quy định pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp khác của Công ty TNHH T mà đại diện là ông Nguyễn Trí T1 để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của ông T1 tại Ngân hàng TMCP Đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trí B và ông Lê Ngọc B1 kháng cáo với cùng nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 02/6/2023 theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ là các hợp đồng liên quan đến hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty T với Ngân hàng và các tài liệu kèm theo là những lần chi tiền cho Công ty T, nên không đảm bảo quyền lợi của người có tài sản trong vụ án; không làm rõ được vấn đề tín dụng giữa T và Ngân hàng; đây là nghĩa vụ tín dụng của T lại bắt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dùng tài sản để đảm bảo nghĩa vụ tín dụng của T; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hợp đồng thế chấp nhằm mục đích bảo lãnh hay là nhằm đảm bảo thanh toán cho bên nhận thế chấp hay bên vay vốn ... Đại diện nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trí B và ông Lê Ngọc B1 về hủy bản án sơ thẩm, nhưng cần sửa một phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa về phần tuyên xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trí B và ông Lê Ngọc B1 có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của BLTTDS và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông B và ông B1:

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 17/11/2019 thì vợ chồng ông Nguyễn Trí B, bà Nguyễn Thị H1 đã đồng ý thế chấp 03 thửa đất và tài sản gắn liền với đất và dùng toàn bộ giá trị tài sản này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn là Công ty TNHH T đối với Bank theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1918300xxx/HĐTDTHM-BL ngày 17/7/2019 và các Hợp đồng cấp tín dụng khác ký giữa Bên vay vốn và Bank trong khoảng thời gian từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/7/2029.

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021700xxx/HĐTC/01 ngày 12/11/2020 thì vợ chồng ông Lê Ngọc B1, bà Nguyễn Thị T2 đã đồng ý thế chấp 01 thửa đất và tài sản gắn liền với đất và dùng toàn bộ giá trị tài sản này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên được cấp tín dụng là Công ty TNHH T đối với Bank theo Hợp đồng cấp tín dụng theo hạn mức số 2021700xxx/HĐTDTHM-BL ngày 08/9/2020, Hợp đồng hạn mức bảo lãnh số 2021700xxx/HĐHMBL ngày 08/9/2020, Hợp đồng hạn mức thấu chi số 2021700xxx/HĐHMTTC ngày 08/9/2020 và các Hợp đồng cấp tín dụng khác ký giữa Bên được cấp tín dụng và Bank trong khoảng thời gian từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 12/11/2040.

Xem xét lý do đề nghị hủy án sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng cấp tín dụng theo hạn mức, Hợp đồng hạn mức bảo lãnh, Hợp đồng hạn mức thấu chi cũng như các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Nội dung của các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/11/2019 và ngày 12/11/2020 đều thể hiện: bên thế chấp đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mình và dùng toàn bộ giá trị tài sản này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn (hoặc Bên được cấp tín dụng) là Công ty TNHH T. Khi giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này để xác định nghĩa vụ của bên thế chấp, buộc phải xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn có cơ sở.

Khi ký kết hợp đồng thế chấp, các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm, không vi phạm đạo đức xã hội. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc phải xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ do Công ty TNHH T không trả được nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

Nội dung kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên phần quyết định về xử lý tài sản thế chấp của bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên xử lý tài sản thế chấp là các hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là không phù hợp, dẫn đến việc khó thi hành án, mà phải tuyên xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp mới phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần phải sửa bản án về phần tuyên này cho chính xác, đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HDXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Trí B, ông Lê Ngọc B1 không được chấp nhận nên ông B, ông B1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Trí B, ông Lê Ngọc B1 về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 2 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 02/6/2023 số tiền nợ gốc là 4.971.182.132 đồng, nợ lãi là 723.406.947 đồng. Tổng cộng là 5.694.589.079đ (*Năm tỷ, sáu trăm chín mươi tư triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng*).

- Công ty TNHH T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

- Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu xử lý, kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 500, tờ bản đồ số 45, địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 110,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 489xxx, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận (GCN): CH 001xx do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp ngày 13/12/2019 mang tên ông Lê Ngọc B1 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021700xxx/HĐTC/01 ngày 12/11/2020 giữa bên thế chấp là ông Lê Ngọc B1, bà Nguyễn Thị T2 và bên nhận thế chấp là Bank - Chi nhánh Thanh Hóa).

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 72m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 082xxx, sổ vào sổ cấp GCN: CH 041xx do UBND huyện T cấp ngày 03/5/2018 mang tên ông Nguyễn Trí B và bà Nguyễn Thị H1 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/11/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Trí B, bà Nguyễn Thị H1 và bên nhận thế chấp là Bank - Chi nhánh Thanh Hóa).

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 72m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 082xxx, sổ vào sổ cấp GCN: CH 041xx do UBND huyện T cấp ngày 03/5/2018 mang tên ông Nguyễn Trí B và bà Nguyễn Thị H1 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/11/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Trí B, bà Nguyễn Thị H1 và bên nhận thế chấp là Bank - Chi nhánh Thanh Hóa).

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; diện tích 72m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 082xxx, sổ vào sổ cấp GCN: CH 041xx do UBND huyện T cấp ngày 03/5/2018 mang tên ông Nguyễn Trí B và bà Nguyễn Thị H1 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/11/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Trí B, bà Nguyễn Thị H1 và bên nhận thế chấp là Bank - Chi nhánh Thanh Hóa).

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp khác của Công ty TNHH T mà đại diện là ông Nguyễn Trí T1 để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP Đ.

2. Về án phí: Ông Lê Ngọc B1, ông Nguyễn Trí B mỗi người phải nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0016xxx và AA/2021/0016xxx cùng ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông B1, ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

